

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/HS-ST

Ngày: 15/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thanh Châu Giang

2. Bà Hà Thị Minh Quế

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Ông Nguyễn Cao Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc A sinh ngày 14/01/1997. Tại huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai. nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị H; có vợ là Trần Thị Ph T1 và 02 người con (con lớn sinh năm 2022; con nhỏ sinh năm 2024); tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện tại ngoại tại tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai - có mặt.

- Bị hại:

Anh Nguyễn Định C, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Khu A, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.

Ông Phạm Văn T sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai (đã chết ngày 28/10/2024).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn T: Bà Trần Thị Đ sinh năm 1942. Nơi cư trú: Xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình (mẹ bị hại); Ông Phạm Văn T2 sinh năm 1963. Nơi cư trú: Khu phố C, T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (anh trai bị hại); Ông Phạm Công T3 sinh năm 1967. Nơi cư trú: Xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (anh trai bị hại); Bà Phạm Thị V sinh năm 1973. Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (chị gái bị hại); Bà Đỗ Thị H sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai (vợ bị hại); Cháu Phạm Thị Ngọc Á sinh ngày 29/6/2012. Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai (con

để bị hại); Cháu Phạm Thế V1 sinh ngày 26/6/2023. Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai (con trai bị hại).

- *Người được uỷ quyền của bà Trần Thị Đ; ông Phạm Văn T2; ông Phạm Công T3; bà Phạm Thị V; cháu Phạm Thị Ngọc Á; cháu Phạm Thế V1:* Bà Đỗ Thị H sinh năm 1976. Nơi cư trú: Tổ A, phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Nguyễn Tuấn S sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu A, xã Đ, huyện H, tỉnh Phú Thọ - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 28/10/2024 Phạm Ngọc A điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 24C-065.92 cùng bố để là ông Phạm Văn T ngồi tại vị trí ghế phụ đi từ theo tuyến đường C - Lào Cai đến tỉnh Phú Thọ để xếp hàng. Đến khoảng 03 giờ 35 phút cùng ngày trên đường đi đến Km181 + 100 thuộc địa phận thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Đây là đoạn đường đang lên dốc, có dải phân cách cứng ở giữa, mỗi chiều có hai làn đường xe được phép chạy. Phạm Ngọc A điều khiển xe ô tô di chuyển ở làn đường giữa (phía bên trái là làn xe giáp dải phân cách cứng, phía bên phải là làn dừng khẩn cấp). Cùng lúc này, phía trước cùng chiều và cùng làn xe với xe ô tô do Phạm Ngọc A di chuyển có xe ô tô đầu kéo biển kiểm soát 88C-196.47 kéo theo somi romoóc biển kiểm soát 88R-010.16 do anh Nguyễn Tuấn S điều khiển đang di chuyển về phía trước với tốc độ khoảng 10km/h. Do thiếu chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn đối với phương tiện đi liền trước nên xe ô tô tải biển kiểm soát 24C-065.92 do Phạm Ngọc A điều khiển đã đâm, va vào phần thùng xe phía sau bên trái của somi romoóc biển kiểm soát 88R-010.16. Hậu quả: Ông Phạm Văn T tử vong trên đường đi cấp cứu, hư hỏng 01 xe ô tô và 01 somi romoóc.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Vị trí đoạn đường xảy ra tai nạn là đoạn đường đôi, có dải phân cách cứng ở giữa nơi xảy ra tai nạn nằm trên phần đường hướng Lào Cai - Nội Bài thuộc cao tốc N - Lào Cai. Đoạn đường thẳng, tầm nhìn thoáng theo hướng chiều đường L - Nội Bài phía bên phải, mặt đường được rải nhựa nhẵn, tại lòng có vạch kẻ sơn nét đứt, màu trắng (1.5) nằm thẳng phân chia làn xe chạy, phía bên phải có vạch kẻ sơn liền mạch màu trắng để phân chia làn khẩn cấp có kích thước 2.50m, lòng đường rộng 10,60m tại nơi xảy ra tai nạn có biển báo km181. Quá trình điều tra xác định nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn là do Phạm Ngọc A điều khiển xe ô tô thiếu chú ý quan sát, không giữ khoảng cách an toàn đối với phương tiện đi liền trước đã vi phạm tại khoản 1 Điều 12 Luật giao thông đường bộ: “Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo "Cự ly tối thiểu giữa hai xe" phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo”. Hành vi đó đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định, xác định nguyên nhân chết của ông Phạm Văn T; Yêu cầu định giá, xác định giá trị thiệt hại của xe ô tô biển kiểm soát 24C-065.92 và sơ mi rơ móc biển kiểm soát 88R-010.16.

*Tại kết luận giám định tử thi số 20/KLGĐTT-TTPY-VY ngày 13/11/2024 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Y, kết luận:

1. Các kết quả chính: Kiểm tra vùng đầu thấy toàn bộ xương hộp sọ vỡ nát, phôi tổ chức não ra ngoài, vùng mặt biến dạng hoàn toàn.

2. Kết luận: Vỡ xương hộp sọ dẫn đến tử vong.

*Tại kết luận định giá tài sản số: 17/KL-HĐĐGTS ngày 22/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, kết luận:

1. Xe ô tô BKS 24C-065.92 nhãn hiệu DOTHANH; màu xanh; số máy D4DBGJ622020; số khung RPPGD17BPGD000619; sản xuất năm 2016; xe đã qua sử dụng. Ngày 28/10/2024 giá trị thiệt hại của tài sản là 77.650.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Sơ mi rơ móc BKS 88R-010.16 nhãn hiệu CIMIC; màu xanh; số khung 3GE0E0004628; sản xuất năm 2014; xe đã qua sử dụng. Ngày 28/10/2024 giá trị thiệt hại của tài sản là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Sở Giao thông vận tải tỉnh V cung cấp tài liệu xác minh vị trí và hành trình di chuyển của xe ô tô BKS 88C-196.47. Căn cứ kết quả trả lời của Sở Giao thông vận tải tỉnh V xác định thời điểm xảy ra tai nạn xe ô tô BKS 88C-196.47 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 88R-010.16 di chuyển tiến về phía trước với tốc độ dưới 60 km/h (dưới tốc độ tối thiểu cho phép).

Kết quả điều tra xác định: Cả Phạm Ngọc A và Nguyễn Tuấn S đều có giấy phép lái xe theo quy định, không sử dụng chất ma túy, trong hơi thở không có nồng độ cồn (biên bản 00257 và 00258). Đối với xe ô tô biển kiểm soát 88C-196.47 kéo theo sơ mi rơ móc biển kiểm soát 88R-010.16 có trọng tải vượt quá mức cho phép là 36%.

Tại bản cáo trạng số:13/CT-VKS-VY ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc A về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc A phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Và đề nghị Hội đồng xét xử đối với bị cáo như sau: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về bồi thường dân sự tổng cộng các khoản là 250.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp bị hại đã nhận đủ số tiền của bị cáo Phạm Ngọc A là 250.000.000 đồng và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phần dân sự trong vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Dịch C (chủ sở hữu của xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 kéo theo sơ mi rơ móc biển số 88R-010.16) và anh

Nguyễn Tuấn S không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe ô tô tải biển số 24C-065.92; 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 kéo theo somi romoóc biển số 88R-010.16; 03 (ba) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 03 (ba) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 24C-065.92; 01 (một) chứng nhận đăng ký somi romoóc biển số 88R- 010.16; 01 (một) giấy biên nhận thể chấp xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 đã được trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, C số 100158004971 mang tên Phạm Ngọc A do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 18/6/2024.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo Phạm Ngọc A không tranh luận và tự bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 03 giờ 35 phút ngày 28/10/2024 bị cáo Phạm Ngọc A điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 24C - 065.92 trên xe có ông Phạm Văn T (bố đẻ) ngồi ghế phụ lái đi từ nhà ở tổ A, phường N, thành phố L theo đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai xuống tỉnh Phú Thọ để xếp hàng. Trên đường đi đến Km181 + 100 thuộc địa phận thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái do thiếu chú ý quan sát và không giữ khoảng cách an toàn đối với phương tiện đi liền trước nên đã đâm, va vào xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 kéo theo somi romoóc biển số 88R-010.16 do anh Nguyễn Tuấn S điều khiển đang đi liền trước

cùng chiều. Hậu quả ông Phạm Văn T tử vong và thiệt hại về tài sản là 79.300.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Phạm Ngọc A đã vi phạm khoản 1 Điều 12 của Luật giao thông đường bộ: *“Người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng phải tuân thủ quy định về tốc độ xe chạy trên đường và phải giữ một khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước xe của mình; ở nơi có biển báo “Cự ly tối thiểu giữa hai xe” phải giữ khoảng cách không nhỏ hơn số ghi trên biển báo”*. Hành vi của bị cáo Phạm Ngọc A đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 13/CT-VKS-VY ngày 12/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc A là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tham gia giao thông không đúng quy định của Luật giao thông đường bộ là vi phạm pháp luật nhưng do chủ quan nên dẫn đến phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là lỗi vô ý. Do vậy cần xử lý bị cáo bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của đại diện hợp pháp bị hại là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Quá trình điều tra đại diện hợp pháp của bị hại đã có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Đối với anh Nguyễn Tuấn S: Đã có hành vi điều khiển xe ô tô BKS 88C-196.47 kéo theo somi romoóc BKS 88R-010.16 di chuyển với tốc độ dưới tốc độ tối thiểu trên đoạn đường quy định tốc độ tối thiểu cho phép và điều khiển xe ô tô chở hàng vượt trọng tải 36% nên Cơ quan điều tra đã có công văn và chuyển tài liệu đến Cục C1 Bộ C2 đề nghị xử phạt hành chính theo quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và đại diện hợp pháp bị hại đã tự nguyện thỏa thuận về bồi thường dân sự tổng cộng các khoản là 250.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp bị hại đã nhận đủ số tiền của bị cáo Phạm Ngọc A là 250.000.000 đồng và không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về phần dân sự trong vụ án. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Nguyễn Địch C (chủ sở hữu của xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 kéo theo somi romoóc biển số 88R-010.16) và anh

Nguyễn Tuấn S không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: 01 (một) xe ô tô tải biển số 24C-065.92; 01 (một) xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 kéo theo somi romoóc biển số 88R-010.16; 03 (ba) giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; 03 (ba) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc; 01 (một) chứng nhận đăng ký xe ô tô tải biển số 24C-065.92; 01 (một) chứng nhận đăng ký somi romoóc biển số 88R- 010.16; 01 (một) giấy biên nhận thể chấp xe ô tô đầu kéo biển số 88C-196.47 đã được trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc A 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1, C số 100158004971 mang tên Phạm Ngọc A do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 18/6/2024.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo; bị hại; đại diện hợp pháp bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc A phạm tội “ Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc A 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Ngọc A cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố L, tỉnh Lào Cai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Phạm Ngọc A có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Ngọc A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc A một giấy phép lái xe hạng A1, C số 100158004971 mang tên Phạm Ngọc A do Sở giao thông vận tải tỉnh L cấp ngày 18/6/2024.

Theo biên bản giao nhận vật chứng số: 21 ngày 21 tháng 3 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Y và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Ngọc A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; đại diện hợp pháp bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- Công an tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái
- VKSND huyện Văn Yên
- VKSND tỉnh Yên Bái
- CCTHADS huyện Văn Yên
- THA phạt tù (03)
- Bị cáo (01)
- Bị hại (01)
- Đại diện hợp pháp bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu HSVA - TQĐ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng